

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG
Số 1841 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Lâm Đồng, ngày 24 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh thông tin địa điểm và bổ sung danh mục
các ngành nghề dự kiến của Cụm công nghiệp Đông Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập): Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc thành lập Cụm công nghiệp Đông Hà tại xã Đông Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2023 về việc điều chỉnh Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2018; Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc điều chỉnh danh mục các ngành nghề dự kiến của Cụm công nghiệp Đông Hà; Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các ngành nghề dự kiến của Cụm công nghiệp Đông Hà;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 46/TTr-SCT ngày 08 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung khoản 1 và khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập) về việc thành lập Cụm công nghiệp Đông Hà như sau:

1. Điều chỉnh nội dung địa điểm thành lập Cụm công nghiệp Đông Hà quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2018 như sau:

“Địa điểm thành lập: Tại xã Trà Tân, tỉnh Lâm Đồng...”

2. Điều chỉnh nội dung địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH Khu công nghiệp Đông Hà quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2018 như sau:

“- Địa chỉ trụ sở chính: Đường Z30A, thôn Nam Hà, xã Trà Tân, tỉnh Lâm Đồng.”

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung danh mục các ngành nghề dự kiến của Cụm công nghiệp Đông Hà quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2018; điều chỉnh, bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2023; điều chỉnh, bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024; điều chỉnh, bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập) như sau:

“3. *Danh mục các ngành nghề dự kiến: Theo Danh mục ngành nghề thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp Đông Hà đính kèm*”.

Điều 3. Ngoài việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định này, các nội dung khác của Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2018, Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2023, Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024; Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sáp nhập) không thay đổi.

Điều 4. Công ty TNHH Khu công nghiệp Đông Hà có trách nhiệm thực hiện điều chỉnh lại giấy phép môi trường đã cấp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trà Tân, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Khu công nghiệp Đông Hà và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /...uu

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 6;
- Các Sở: TC, NV;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, XCCT.An

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Hải



Danh mục ngành nghề thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp Đông Hà
(Kèm theo Quyết định số 1841 /QĐ-UBND ngày 24 /10/2025 của UBND tỉnh)

Số TT	Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam theo QĐ 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ				
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
-	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	C	10	101	1010	
-	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản		10	102	1020	
-	Chế biến và bảo quản rau quả		10	103	1030	
-	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa		10	105	1050	10500
-	Sản xuất đồ uống		11	110		
-	Sản xuất trang phục		14			
-	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm		15	151	1512	15120
-	Sản xuất giày, dép		15	152	1520	15200
-	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế)		16			
-	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa		17	170	1702	
-	In ấn và dịch vụ liên quan đến in		18	181		
-	Sản xuất sản phẩm từ cao su		22	221		
-	Sản xuất sản phẩm từ plastic		22	222		
-	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét		23	239	2392	23920
-	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao		23	239	2395	23950
-	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá		23	239	2396	23960
-	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)		25			
-	Sản xuất linh kiện điện tử		26	261	2610	26100
-	Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn		27	273		
-	Sản xuất máy thông dụng		28	281		
-	Sản xuất máy chuyên dụng		28	282		

Số TT	Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam theo QĐ 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ				
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
-	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác		29	291	2910	29100
-	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác		29	293	2930	29300
-	Sản xuất mô tô, xe máy		30	309	3091	30910
-	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế		31	310	3100	
-	Sản xuất nhạc cụ		32	322	3220	32200
-	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao		32	323	3230	32300
-	Sản xuất đồ chơi, trò chơi		32	324	3240	32400
-	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	C	10	107	1073	10730
-	Sản xuất cà phê		10	107	1077	10770
-	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu		10	107	1079	10790
-	Dịch vụ đóng gói	N	82	829	8292	82920
-	Sản xuất dầu, mỡ động vật	C	10	104	1040	10401
-	Sản xuất dầu, bơ thực vật		10	104	1040	10402
-	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa		32	325	3250	32501
-	Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng		32	325	3250	32502

